

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 420/2025/DS-PT

Ngày: 27 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở 2) và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLPT- DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2025/QĐXX-PT ngày 24 ngày 7 tháng 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà A, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số E, đường N, khối I, phường T, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hà A: Ông Trần Bạch L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số F, đường T, phường R, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: số A L, khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, phường A, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế K: Ông Hoàng Minh Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số D. QL14, phường B, tỉnh Đ. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A và bị đơn ông Nguyễn

Thế K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản lời khai tại Tòa án, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hà A là ông Trần Bạch L trình bày:

Vào các ngày 16/9/2023 và ngày 18/9/2023 bà Nguyễn Thị Hà A có cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng hình thức chuyển khoản, bà A sử dụng số tài khoản 5100829983 được đăng ký tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Gọi tắt là B), chuyển vào số tài khoản 0913643456 được ông Nguyễn Thế K đăng ký tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T (Gọi tắt là S), bà Hà A cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/9/2023 bà Hà A chuyển khoản cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 18/9/2023 bà Hà A có chuyển khoản cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 18/9/2023 bà Hà A có chuyển khoản cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Thời hạn vay do hai bên bà Hà A và ông K thỏa thuận là 02 ngày (từ ngày 18/9/2023 đến ngày 20/9/2023), không tính lãi suất. Đến ngày 20/9/2023 ông Nguyễn Thế K có xin bà A gia hạn thêm thời gian trả nợ đến ngày 12/01/2024 sẽ trả nợ cho bà A số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Hà A và ông Nguyễn Thế K có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận bằng miệng. Ông Nguyễn Thế K đã trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A được 04 tháng (Từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/01/2024) với số tiền 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu) đồng, số tiền còn lại không trả cả gốc và lãi. Sau nhiều lần bà Hà A liên lạc yêu cầu ông K trả nợ nhưng ông K vẫn cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Hà A làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Hà A.

Nay bà Nguyễn Thị Hà A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hà A 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, số tiền nợ gốc.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng, tiền lãi, tính từ ngày 21/01/2024 đến ngày 21/4/2024.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A1 theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 22/4/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ cho bà Nguyễn Thị Hà A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế K là ông Hoàng Minh Q trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do quen biết và tin tưởng bà Nguyễn Thị Hà A, ông Nguyễn Thế K đã cùng hùn vốn với bà Hà A để thành lập Công ty TNHH H1, gọi tắt là (Công ty H1) để kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.

Sau khi bàn bạc thống nhất, ngày 05/7/2023, ông K đã ký kết hợp đồng số 02/2023/HĐTNH-KH-PP với hộ kinh doanh P để thuê tài sản là nhà hàng tại địa chỉ đường B, tổ G, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước, tổng diện tích: $1.204,2\text{m}^2 + 694,8\text{m}^2 = 1.899\text{m}^2$ thuộc quyền sở hữu của hộ kinh doanh P mang tên Dương Thị Thu H theo Giấy chứng nhận số BU 280392 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 13/8/2015 và số BU 318696 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 14/4/2015 để làm nơi kinh doanh nhà hàng và cũng là trụ sở của Công ty H1.

Sau khi thuê nhà hàng ông K bắt tay vào tu sửa, cải tạo lại nhà hàng và hoàn tất thủ tục pháp lý cho công ty, đăng ký doanh nghiệp, hình thức công ty H1 hữu hạn hai thành viên trở lên. Ngày 11/10/2023, Công ty H1 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp lần đầu, mã số doanh nghiệp 3801292303.

Theo Điều lệ đã được thống nhất thông qua ngày 28/9/2023 giữa ông K và bà Nguyễn Thị Hà A thì Công ty H1 gồm có 2 thành viên là ông K và bà Nguyễn Thị Hà A, vốn điều lệ của Công ty là 09 tỷ đồng - tỷ lệ góp vốn: + Ông K góp 60% cổ phần tương ứng với số tiền 5.400.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hà A góp 40% cổ phần tương ứng với số tiền 3.600.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hà A giữ chức Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật cho Công ty; ông K giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty.

Thực hiện theo thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên công ty theo tỷ lệ % cổ phần góp nói trên, ông K và bà Hà A đã cùng góp vốn vào để đầu tư mua trang thiết bị, sửa chữa, xây dựng lại nhà hàng để nhà hàng đi vào hoạt động (*tổng số tiền cụ thể góp vốn từng người chưa ngồi lại thống kê cụ thể, vì bà Hà A không hợp tác*).

Sau khi nhà hàng đi vào hoạt động, ông K đã giao cho bà Hà A trực tiếp quản lý kinh doanh, điều hành công ty, thu chi. Đến cuối năm 2023, bà Hà A nói với ông K về việc nhà hàng kinh doanh thua lỗ và đòi rút vốn khỏi công ty, ông K

không đồng ý. Ngày 06/01/2024, bà A không điều hành, quản lý công ty mà đã tự ý bỏ đi khỏi Công ty, bỏ mặc công việc kinh doanh, không trả lương cho nhân viên Công ty, không đóng tiền thuê nhà hàng, không thanh toán công nợ cho khách hàng và mang toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ chứng từ, phần mềm kế toán liên quan đến hoạt động của Công ty theo, không bàn giao lại cho ông K bất cứ tài liệu nào, gây khó khăn, bất lợi cho ông K và Công ty trong hoạt động kinh doanh. Việc khởi kiện của bà Hà A với ông K là không có căn cứ, ông K không mượn 03 khoản tiền mà bà Hà A đã liệt kê trong đơn khởi kiện. Ông K khẳng định rằng số tiền bà Hà A yêu cầu nói trên là tiền bà Hà A góp vốn dần vào Công ty H1 và tính đến thời điểm hiện nay bà A vẫn chưa góp đủ số vốn điều lệ theo thỏa thuận. Mặt khác, trong quá trình làm ăn ông K có vay của bà Hà A số tiền khoảng hơn 500.000.000 đồng là các lần vay trước ngày 16/9/2023 và số tiền này ông K cũng đã chuyển trả cho bà Hà A rồi. Bên cạnh đó bà A chỉ cung cấp cho Tòa án số lần chuyển tiền, ngày chuyển tiền nhưng nội dung chuyển tiền thì bà A không ghi. Trong khi đó, các lần chuyển tiền khác (*ông K cung cấp bản sao kê kèm bản tự khai này*) là các lần bà Hà A chuyển tiền cho ông K mượn thì bà Hà A ghi tiền mượn. Nếu các khoản tiền mà bà Hà A chuyển không ghi nội dung chuyển nay đem ra khởi kiện thì số tiền còn lên nhiều hơn 800.000.000 đồng. Từ các nội dung trên ông K đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà A.

Ngày 10/8/2024 và ngày 14/11/2024 ông K có đơn phản tố và đơn phản tố sửa đổi bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà A về việc buộc ông K trả số tiền 800.000.000 đồng, 48.000.000 đồng tiền lãi và tiền lãi quá hạn.

- Buộc chấm dứt tư cách Giám đốc của bà Nguyễn Thị Hà A trong Công ty TNHH H1;

- Buộc bà Nguyễn Thị Hà A phải bàn giao lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ chứng từ, phần mềm kế toán liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty H1 cho ông K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hà A 305.999.999 (Ba trăm lẻ năm triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, tiền nợ gốc.

Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả nợ lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 54.157.808 (Năm mươi bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám) đồng.

Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A (đối với số tiền 305.999.999 đồng, tiền nợ gốc) thời hạn trả lãi tiếp theo, tính từ ngày 25/3/2025 cho đến khi trả hết các khoản nợ cho bà Nguyễn Thị Hà A.

Đối với số tiền ông K khai đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Hà A 40.000.000 đồng vào ngày 18/02/2024, nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn và đại diện của bị đơn không cung cấp chứng cứ nên số tiền này Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Đối với yêu cầu của bị đơn: Đề nghị buộc chấm dứt tư cách Giám đốc của bà Nguyễn Thị Hà A trong Công ty TNHH H1. Buộc bà Nguyễn Thị Hà A phải bàn giao lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ chứng từ, phần mềm kế toán liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty H1 cho ông K. Hội đồng xét xử xác định đây không phải là yêu cầu phản tố trong vụ án này nên đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 31/4/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho bà Hà A số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 14/4/2024 đến khi xét xử phúc thẩm.

Ngày 23/4/2025, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thế K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 16/9/2023 và 200.000.000 đồng ngày 18/9/2023 đã rút yêu cầu tại cấp sơ thẩm; Đối với số tiền 294.000.000 đồng tại bản án cấp sơ thẩm nhận định ông K đã trả cho bà Hà A và tại phiên tòa phúc thẩm bà Hà A cũng thừa nhận số tiền 294.000.000 đồng này bà Hà A đã nhận từ ông K cho nên cần khấu trừ vào số tiền gốc ông K phải trả cho bà Hà A; Về tiền lãi, do các bên khi vay không thỏa thuận lãi suất và đến nay các bên cũng không thống nhất về mức lãi suất nên cần xem xét mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp; Về phần án phí, do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 206.000.000 đồng và phần tiền lãi tính lại sau khi khấu trừ 294.000.000 đồng tiền gốc thì nguyên đơn phải chịu phần án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai).

Về án phí, chi phí tố tụng khác và nghĩa vụ thi hành án, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A và bị đơn ông Nguyễn Thế K được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thế K, nhận thấy:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Hà A cho rằng ngày 16/9/2023 bà Hà A chuyển khoản cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 100.000.000 đồng và cùng ngày 18/9/2023 bà Hà A có chuyển khoản cho ông Nguyễn Thế K vay số tiền 500.000.000 đồng và 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, bà Hà A sử dụng số tài khoản 5100829983 được đăng ký tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (Gọi tắt là B),

chuyển vào số tài khoản 0913643456 được ông Nguyễn Thế K đăng ký tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T (Gọi tắt là S).

[2.2] Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, đối với khoản tiền bà Hà A chuyển khoản cho ông K vào ngày 16/9/2023 là 100.000.000 đồng và ngày 18/9/2023 là 200.000.000 đồng, bà Hà A cho rằng là khoản tiền vay, còn ông K cho rằng là khoản tiền bà Hà A góp vốn. Vì trong thông tin chuyển khoản không ghi nội dung là góp vốn hay cho vay cho nên tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu này để làm rõ và giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với yêu cầu khoản vay 500.000.000 đồng còn lại là có căn cứ, tuy nhiên phải đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 16/9/2023 và 200.000.000 đồng ngày 18/9/2023, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với khoản tiền này là thiếu sót.

[2.3] Tại bản án sơ thẩm nhận định nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chỉ chấp nhận 305.999.999 đồng (làm tròn số tiền 306.000.000 đồng) tức là không chấp nhận số tiền 194.000.000 đồng, tuy nhiên cấp sơ thẩm không tính án phí đối với số tiền nguyên đơn không được chấp nhận này là thiếu sót.

[2.4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Hà A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/4/2024 đến ngày xét xử phúc thẩm. Đối với số tiền 300.000.000 đồng như đã trình bày ở trên do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện cho nên đối với số tiền 300.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/4/2024 đến ngày xét xử phúc thẩm là vượt quá phạm vi xem xét tại cấp phúc thẩm.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng ngày 18/9/2023: Bà Hà A cho rằng đây là tiền bà cho ông K vay. Còn ông K cho rằng ông có nhờ bà Hà A vay giúp số tiền 500.000.000 đồng, hình thức nhận tiền qua tài khoản vào ngày 03/8/2023 số tiền 499.999.999 đồng nhưng ông đã thanh toán xong. Tuy nhiên, đối với số tiền 499.999.999 đồng chuyển khoản vào ngày 03/8/2023 thì bà Hà A không yêu cầu Tòa án giải quyết mà yêu cầu ông K phải trả đối với số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản cho ông K vay vào ngày 18/9/2023. Ông K cho rằng số tiền này là tiền góp vốn nhưng trong nội dung lệnh chuyển tiền không ghi là tiền góp vốn như ông K trình bày. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc ông K thừa nhận khoản vay ngày 03/8/2023 mà chấp nhận một phần yêu cầu về khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu ngày 18/9/2023 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận

định ông K có chuyển trả cho bà Hà A nhiều lần với số tiền là 294.000.000 đồng. Tuy nhiên phần nhận định ghi 294.000.000 đồng và phần tuyên án chỉ có 194.000.000 đồng là có sự sai sót giữa phần nhận định và phần tuyên án.

Tại cấp phúc thẩm bà Hà A có cung cấp một file ghi âm, bà Hà A trình bày nội dung file ghi âm thể hiện ông K thừa nhận có nợ bà Hà A số tiền 800.000.000 đồng như phân tích ở trên bà Hà A rút yêu cầu 300.000.000 đồng chỉ yêu cầu số tiền 500.000.000 đồng. Và tại phiên tòa bà Hà A cũng thừa nhận ông K đã chuyển khoản cho bà Hà A số tiền 344.000.000 đồng sau đó bà Hà A đã chuyển lại cho ông K 50.000.000 đồng cho nên còn lại 294.000.000 đồng. Số tiền này sau khi được khấu trừ vào khoản tiền gốc (500.000.000 đồng - 294.000.000 đồng) còn lại là 206.000.000 đồng.

[2.5] Đối với yêu cầu cầu kháng cáo của bị đơn:

Ông Nguyễn Thế K cho rằng khoản tiền 499.999.999 đồng (làm tròn 500.000.000 đồng) bà Hà A chuyển cho ông K ngày 18/9/2023 là tiền bà Hà A góp vốn kinh doanh nhà hàng H1 với ông K chứ không phải là tiền ông K mượn của bà Hà A. Ông K thừa nhận có vay của bà Hà A 500.000.000 đồng chuyển khoản ngày 03/8/2023 và ông K đã trả hết.

Trong bảng sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn bà Hà A cung cấp thể hiện ngày 07/07/2023 bà Hà A chuyển khoản cho ông K số tiền 432.000.000 đồng nội dung chuyển khoản “*ha anh chuyen tien dau tu 435tr*”, ngày 06/9/2023 bà Hà A chuyển khoản cho ông K số tiền 300.000.000 đồng nội dung chuyển khoản “*ha anh chuyen tien dau tu*”, ngày 10/9/2023 bà Hà A chuyển khoản cho ông K số tiền 150.000.000 đồng nội dung chuyển khoản “*ha anh chuyen tien dau tu*”, như vậy có thể thấy rằng đối với các khoản tiền đầu tư bà Hà A ghi nội dung chuyển khoản rất rõ ràng.

Đối với số tiền 499.999.999 đồng bà Hà A chuyển khoản cho ông K vào ngày 03/8/2023, ông K thừa nhận đây là số tiền ông nhờ bà Hà A mượn giúp thể hiện qua nội dung chuyển khoản “*ha anh muon giup k*”, tại Thư phản hồi (bút lục 93) ông cho rằng ông đã hoàn trả cho bà Hà A số tiền trên bằng hình thức chuyển khoản qua các lần: lần 1 ngày 25/9/2023 là 50.000.000 đồng; lần 2 ngày 17/10/2023 là 100.000.000 đồng; lần 3 ngày 20/10/2023 là 20.000.000 đồng; lần 4 ngày 26/10/2023 là 50.000.000 đồng; lần 5 ngày 02/11/2023 là 100.000.000 đồng; lần 6 ngày 23/11/2023 là 24.000.000 đồng và lần 7 ngày 18/02/2024 là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bảng sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 16/8/2023 ông K chuyển khoản cho bà Hà A 02 lần với số tiền 400.000.000 đồng và 111.000.000 đồng với nội dung “*Em Khai tra tien muon*”. Như vậy, có thể xác định ông K đã hoàn trả hết cho bà Hà A số tiền 499.999.999

đồng bà Hà A chuyển khoản cho ông vào ngày 03/8/2023 tại thời điểm ngày 16/8/2023 chứ không phải trả qua các lần chuyển khoản như ông trình bày tại Thư phản hồi (bút lục 93). Ngoài ra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn cung cấp cũng thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có giao dịch vay mượn nhiều trước ngày 16/9/2023 thể hiện qua nội dung “*Em Khai chuyen tra tien muon*” (bút lục 60), phù hợp với lời trình bày tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 14/8/2024 của ông K rằng trong quá trình làm ăn ông có vay bà Hà A số tiền khoảng hơn 500.000.000 đồng, và số tiền này ông cũng đã chuyển trả cho bà Hà A rồi.

Do đó, Ông K cho rằng 500.000.000 đồng ngày 18/9/2023 mà bà Hà A chuyển khoản là tiền bà Hà A chuyển góp vốn nhưng ông K không cung cấp chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình và bà Hà A cũng không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là Hợp đồng vay tài sản không có lãi, không xác định thời hạn cho vay nên thời hạn tính lãi suất được tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 06/5/2024 với mức lãi suất trong hạn 20% là sai quy định của pháp luật. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 5 NQ 01/2019/NQ-HĐTP quy định “*1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*” Như vậy lãi suất được tính với mức lãi suất là 10%/năm.

Thời hạn tính lãi suất được tính từ ngày 06/5/2024 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày 24/3/2025 là 323 ngày x 206.000.000 đồng x lãi suất trong hạn 10% = 18.229.589 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi chín*) đồng.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Do kháng cáo dẫn đến Bản án phải sửa một phần nên kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn coi như được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí sơ thẩm: do số tiền nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính lại nên nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A phải chịu án phí có giá ngạch là 14.700.000 (*Mười bốn triệu, bảy trăm nghìn*) đồng, được trừ vào 18.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002151 ngày 14/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu

vực 10 - Đồng Nai). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 4.020.000 (*Bốn triệu, không trăm hai mươi nghìn*) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Thế K chịu 11.211.479 (*Mười một triệu, hai trăm mười một nghìn, bốn trăm bảy mươi chín*) đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thế K.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai)

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hà A tiền nợ gốc là 206.000.000 (*Hai trăm lẻ sáu triệu*) đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ trả nợ lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 18.229.589 (*Mười tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi chín*) đồng.

4. Buộc ông Nguyễn Thế K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hà A (đối với tiền nợ gốc là 206.000.000 đồng) thời hạn trả lãi tiếp theo, tính từ ngày 25/3/2025 cho đến khi trả hết các khoản nợ cho bà Nguyễn Thị Hà A.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 16/9/2023 và 200.000.000 đồng ngày 18/9/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A.

6. Đối với số tiền ông K cho rằng đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Hà A 40.000.000 đồng vào ngày 18/02/2024, nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn và đại diện của bị đơn không cung cấp chứng cứ nên số tiền này Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

7. Đối với yêu cầu của bị đơn: Đề nghị buộc chấm dứt tư cách Giám đốc của bà Nguyễn Thị Hà A trong Công ty TNHH H1. Buộc bà Nguyễn Thị Hà A phải bàn giao lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ chứng từ, phần mềm kế toán liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty H1 cho ông K. Hội đồng xét xử xác định đây không phải là yêu cầu phản tố trong vụ án này nên đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà A phải chịu án phí có giá ngạch là 14.700.000 (*Mười bốn triệu, bảy trăm nghìn*) đồng, được trừ vào 18.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002151 ngày 14/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Đồng Nai). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 4.020.000 (*Bốn triệu, không trăm hai mươi nghìn*) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Thế K chịu 11.211.479 (*Mười một triệu, hai trăm mười một nghìn, bốn trăm bảy mươi chín*) đồng.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hà A không phải chịu, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hà A số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Đồng Nai) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002445 ngày 02 tháng 4 năm 2025.

- Ông Nguyễn Thế K không phải chịu, hoàn trả cho ông Nguyễn Thế K số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Đồng Nai) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002761 ngày 23 tháng 4 năm 2025.

10. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Toà án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS. (12)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư